FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
SL cổ phiếu LH	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	240
% sở hữu nước ngoài	52.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	722
P/E	11.5
EPS	1,334

	YTD	1T	3T	6T
TKU	0.0%	-3.8%	0.0%	2.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

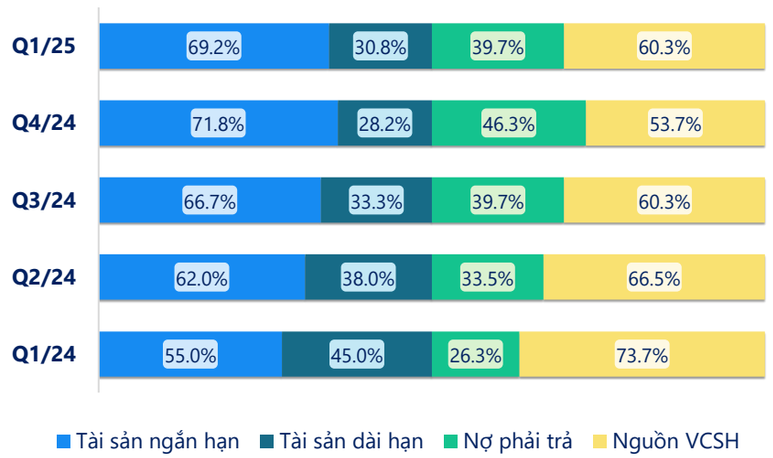

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

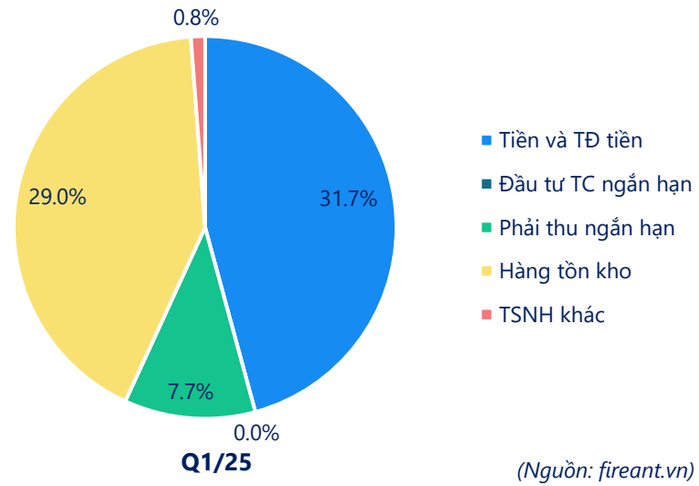

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

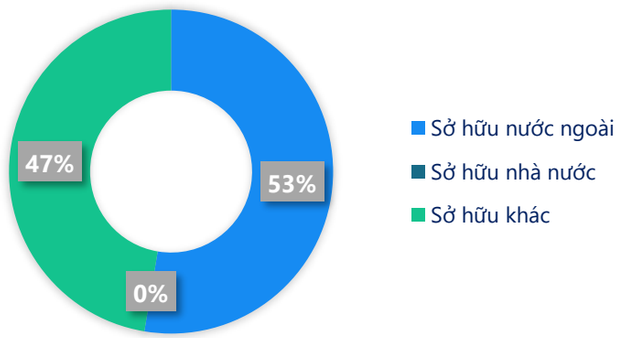

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

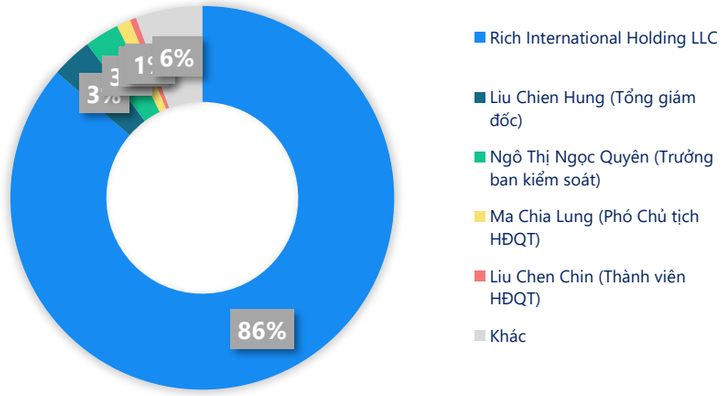

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

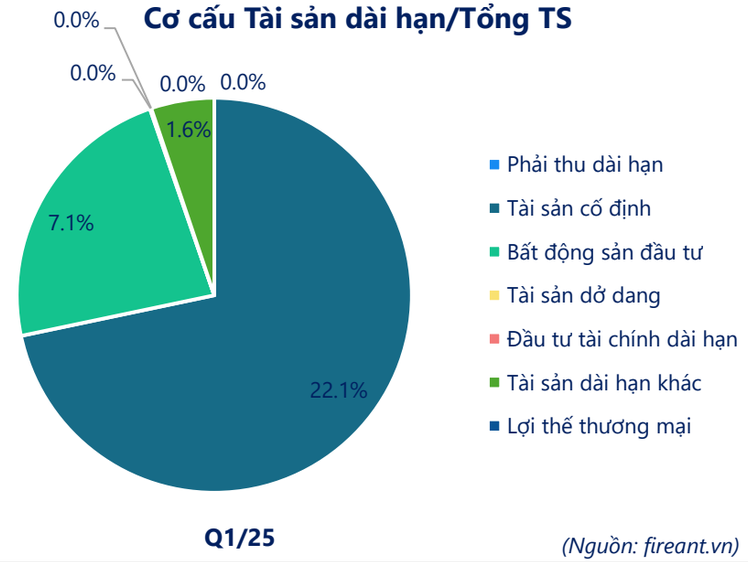

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

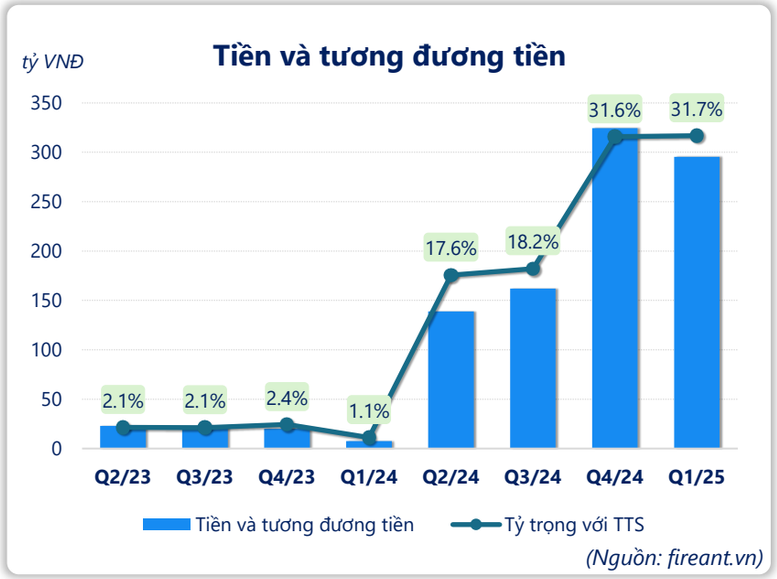

(Nguồn: fireant.vn)

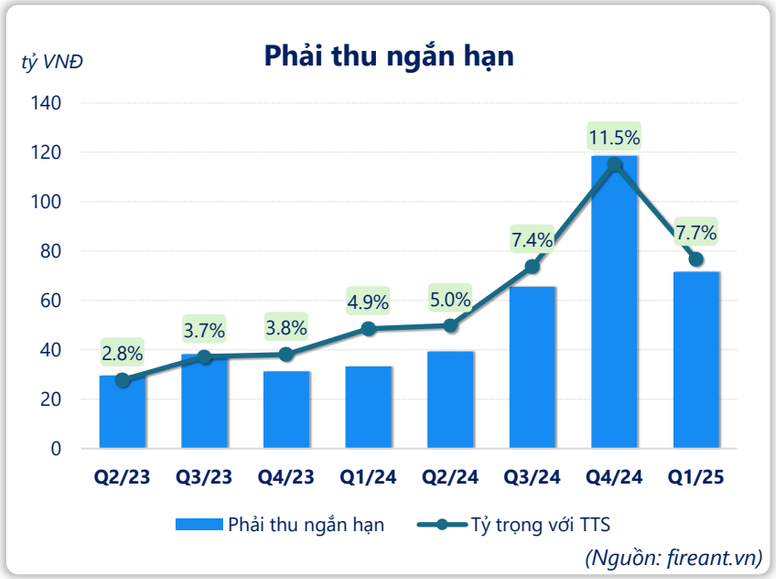

(Nguồn: fireant.vn)

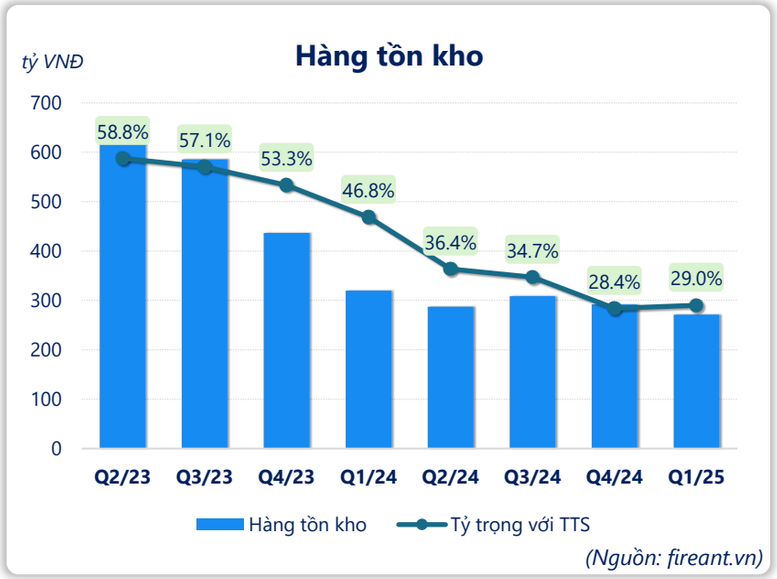

(Nguồn: fireant.vn)

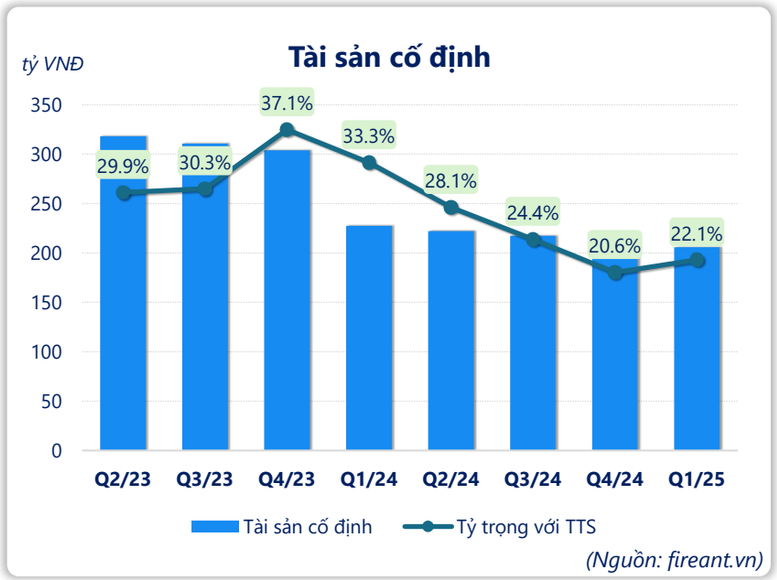

(Nguồn: fireant.vn)

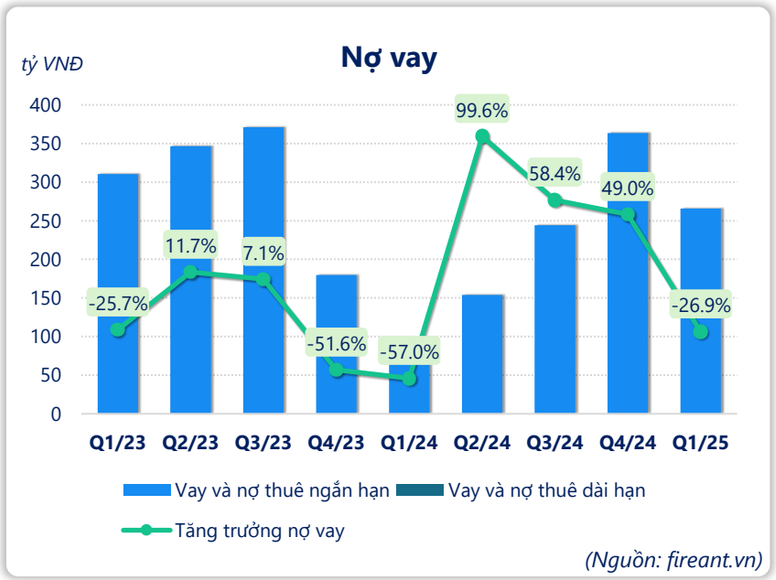

(Nguồn: fireant.vn)

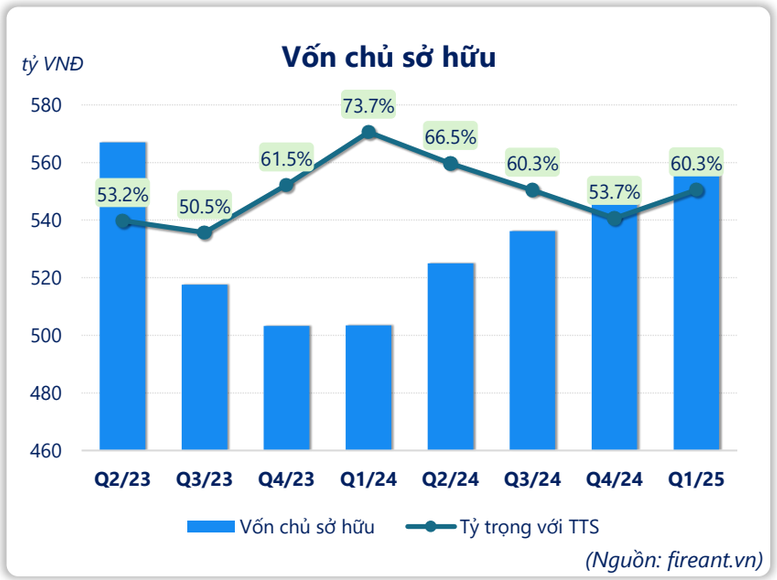

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

Kết quả kinh doanh

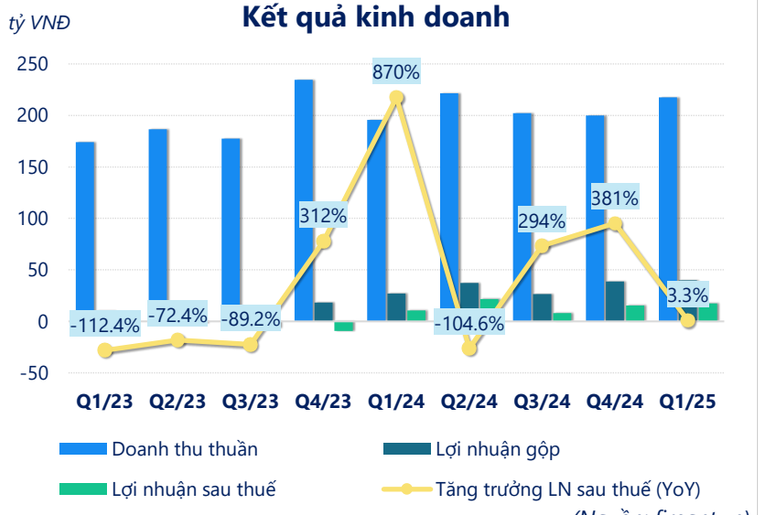

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

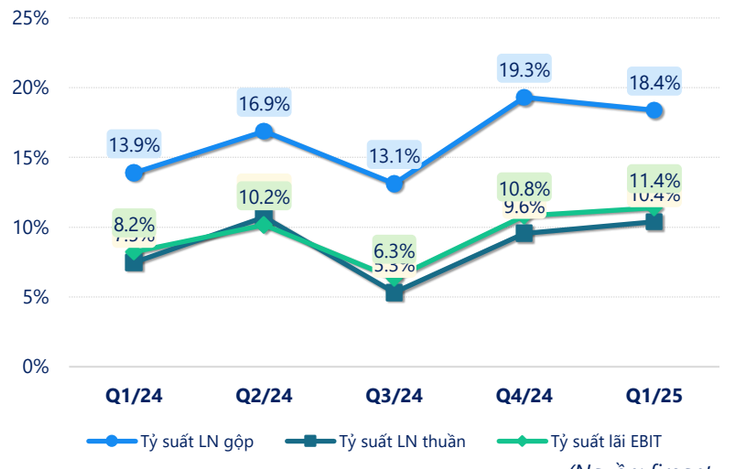

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

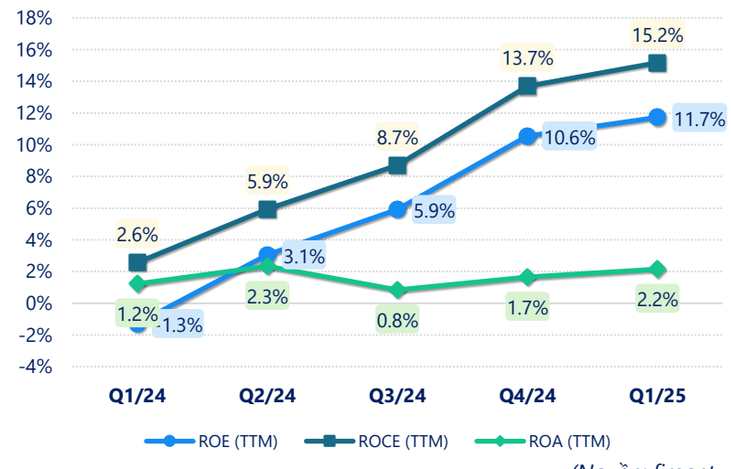

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

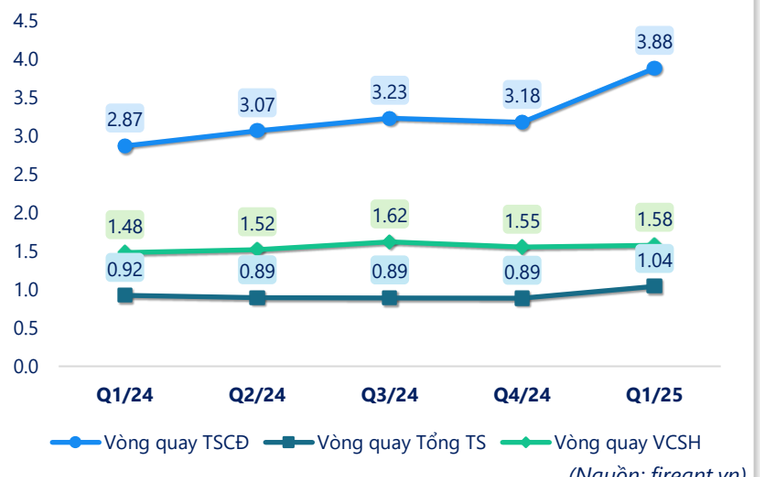

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

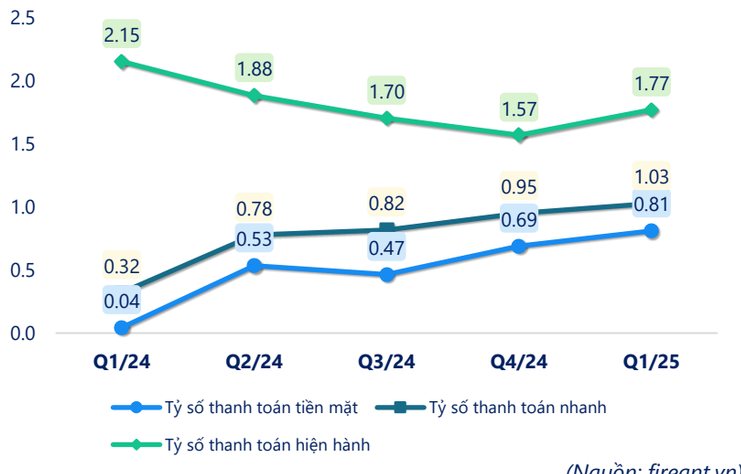

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

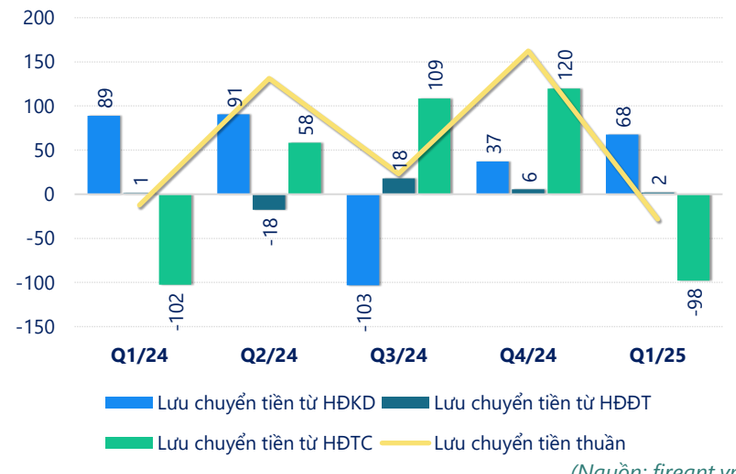

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Công nghiệp Tung Kuang (HNX: TKU)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**933**	**1,077**	**-13.4%**
Tài sản ngắn hạn	646	788	-18.0%
Tiền và tương đương tiền	296	324	-8.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	71.5	72.9	-1.9%
Hàng tồn kho	271	388	-30.2%
Tài sản ngắn hạn khác	7.68	3.17	142%
Tài sản dài hạn	**287**	**289**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	206	211	-2.6%
Bất động sản đầu tư	66.1	66.9	-1.3%
Tài sản dở dang	0.33	0.33	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**14.9**	**10.6**	**40.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	370	531	-30.4%
Nợ ngắn hạn	**365**	**526**	**-30.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	266	364	-26.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.3	69.6	-55.0%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**563**	**546**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**563**	**546**	**3.2%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	196	221	202	200	218
Giá vốn hàng bán	168	184	176	161	178
Lợi nhuận gộp	27.2	37.3	26.5	38.6	40.0
Doanh thu HĐTC	1.30	1.48	0.22	4.76	2.07
Chi phí TC	1.84	2.55	3.35	6.41	4.49
Chi phí lãi vay	1.48	0.91	2.08	3.04	3.25
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.02	4.18	3.99	7.84	4.03
Chi phí QLDN	9.98	8.36	8.65	10.0	11.0
LN thuần từ HĐKD	14.6	23.7	10.8	19.1	22.6
Lợi nhuận khác	-0.02	-2.14	-0.04	-0.53	-1.07
LN trước thuế	14.6	21.6	10.7	18.6	21.5
Lợi nhuận sau thuế	10.6	21.7	8.13	15.3	17.4
LNST của CĐ cty mẹ	10.6	21.7	8.13	15.3	17.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	88.8	90.6	-103	37.0	67.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.26	-17.7	18.0	5.61	1.93
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-102	58.3	109	120	-97.8
Tiền đầu kỳ	19.9	7.62	139	162	324
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.3**	**131**	**23.3**	**162**	**-28.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.62	139	162	324	296

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic